

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 5 - 2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Dụng

Bà H' Rum Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án về việc “Ly hôn, nuôi con chung” thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-DS ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị H, sinh năm: 1988. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Nguyễn Tiến S, sinh năm 1988. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ hiện tại: O, Nahashi maejima /-8-/ omori apato 503.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày.*

- Về tình cảm: Ngày 27/11/2014, bà Dương Thị H và ông Nguyễn Tiến S kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn một khoảng thời gian có hay xảy ra bất đồng quan điểm, sau đó ông S đi làm ăn xa nên cả hai không tìm được tiếng nói chung, tình cảm cũng không còn. Bà Dương Thị H đề nghị xin được ly hôn với ông Nguyễn Tiến S.

- Về con chung: Ông S và bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015.

Bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Tiến S trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tiến S thống nhất với ý kiến trình bày của bà Dương Thị H. Do ông Nguyễn Tiến S đang sinh sống tại Nhật Bản với khoảng cách địa lý rất xa cách, nay ông và bà H đã không còn yêu thương nhau nên đồng ý ly hôn với bà H và ông đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Bảo Q cho bà H nuôi dưỡng, đồng thời xin được Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận đơn kiện ly hôn của bà Dương Thị H và xử cho bà H được ly hôn với ông S, Chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến S hiện đang định cư tại Nhật Bản, ông đã biết được việc chị H khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với ông tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và có đơn trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Dương Thị H, đồng thời đồng ý để bà H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông S xin được Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bà Dương Thị H cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Bà Dương Thị H với ông Nguyễn Tiến S kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào 27/11/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông Nguyễn Tiến S đi làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay và xác định không còn tình cảm với nhau. Ông Nguyễn Tiến S cũng đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông S mỗi người sống một nơi, hiện nay bà H đang sinh sống ở Việt Nam, còn ông S thì sinh sống ở nước ngoài, nên cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H. Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà H và ông S có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015. Chị H có nguyện vọng nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo Q đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con và được ông S đồng ý. Do đó cần chấp nhận việc bà Dương Thị H nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Tiến S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Dương Thị H.

Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến S.

Bà Dương Thị H nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo Q sinh ngày 20/5/2015 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Tiến S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án không đề cập để giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Dương Thị H nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009999 ngày 17/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Dương Thị H được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Ông Nguyễn Tiến S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Tú